

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến TTCK châu Á

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

PPC, DCM

## [Cập nhật công ty]

CSV

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị chỉ mở mua trở lại quanh ngưỡng hỗ trợ đối với cổ phiếu mục tiêu nhưng cần khống chế tỷ trọng ở mức vừa phải, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro

15/7/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,179.25	-0.25
VN30	1,220.14	-0.15
HĐTL VN30F1M	1,210.10	-0.46
HNXIndex	284.40	-0.12
HNX30	510.29	-0.76
UPCoM	87.32	+0.15
USD/VND	23,400	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.27	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.88	+22
Dầu (WTI, \$)	96.10	+0.33
Vàng (LME, \$)	1,702.85	-0.41



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,179.25 (-0.25%)

**KLGD (triệu CP)** 604.0 (+31.3%)

**GTGD (triệu U\$)** 560.5 (+19.6%)

**HNXIndex** 284.40 (-0.12%)

**KLGD (triệu CP)** 76.0 (+9.8%)

**GTGD (triệu U\$)** 54.1 (-3.6%)

**UPCoM** 87.32 (+0.15%)

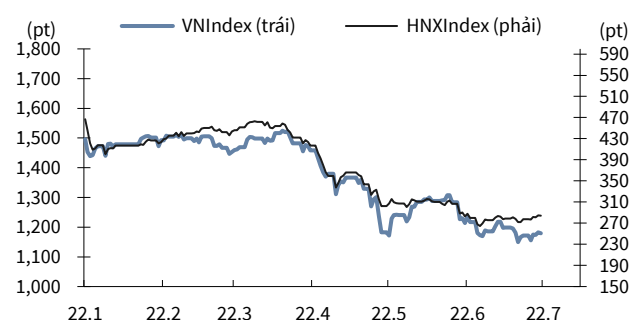
**KLGD (triệu CP)** 66.2 (+108.7%)

**GTGD (triệu U\$)** 25.4 (+16.1%)

TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến TTCK châu Á sau khi số liệu GDP quý II của Trung Quốc chỉ tăng 0.4% YoY, thấp hơn dự báo tăng 1%, tương ứng giảm 2.6% trong quý II so với quý I. Bộ GTVT vừa có quyết định phê duyệt Dự án đầu tư 12 dự án thành phần thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, chính thức kết thúc giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án và chuyển sang giai đoạn thực hiện dự án tác động tích cực đến cổ phiếu nhóm vật liệu xây dựng ở HPG (+4.5%), DHA (+0.1%). Giá heo hơi tiếp tục tăng, chạm mức 70,000-71,000 VND tại nhiều tỉnh phía bắc giúp cổ phiếu nông nghiệp tăng giá ở DBC (+2.1%), HAG (+1.4%). Khỏi ngoại bán ròng ở FUEVFVND (-1.7%), UIC (+1.9%), DXG (+0.9%).

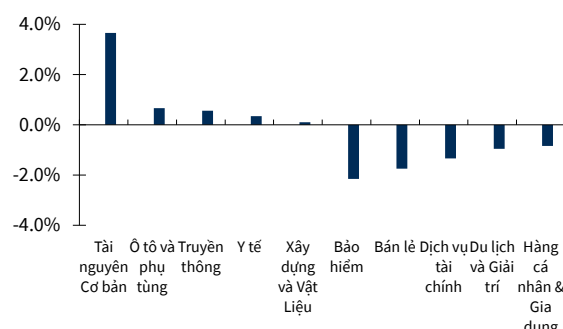
**NĐTNN mua ròng (triệu U\$)** -22.8

## VNIndex & HNXIndex



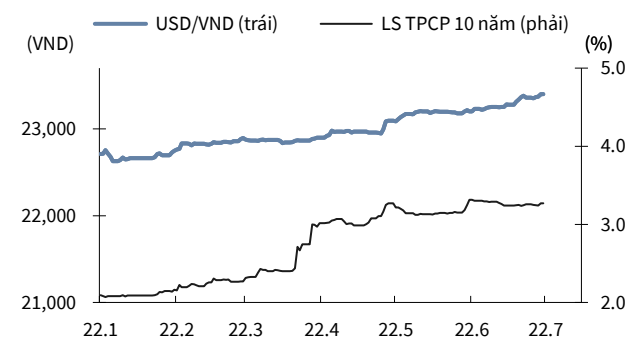
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



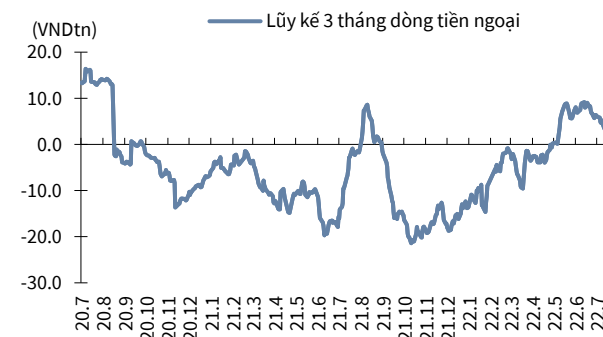
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



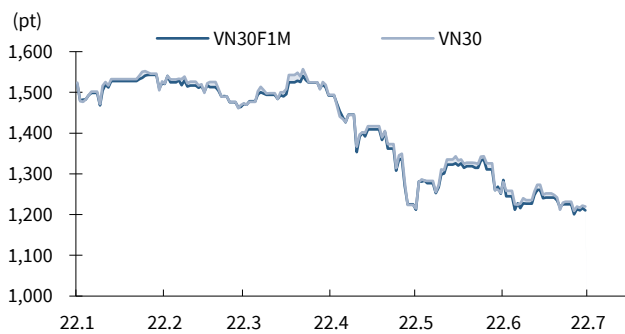
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,220.14 (-0.15%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,210.1 (-0.46%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,219.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,221.8</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,209.2</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>223,812 (-8.4%)</b>

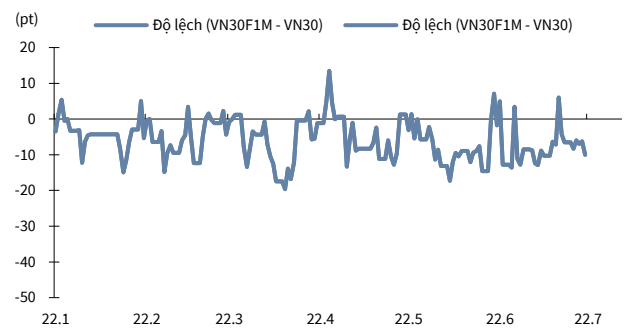
Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2207 và chỉ số VN30 đạt mức thấp nhất trong đầu phiên sáng tại -2.9 điểm, sau biến động nổi rộng và trong biên độ âm suốt phiên, trước khi đóng cửa ở mức thấp nhất ngày -10.0 điểm. Khối ngoại mua ròng mạnh với thanh khoản thị trường giảm nhẹ.

## HĐTL VN30F1M & VN30



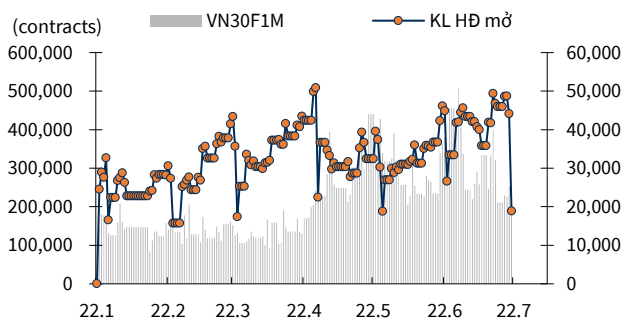
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



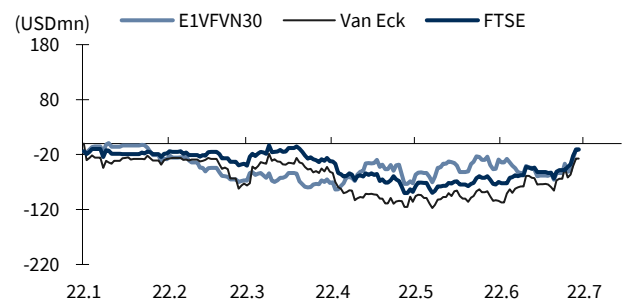
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

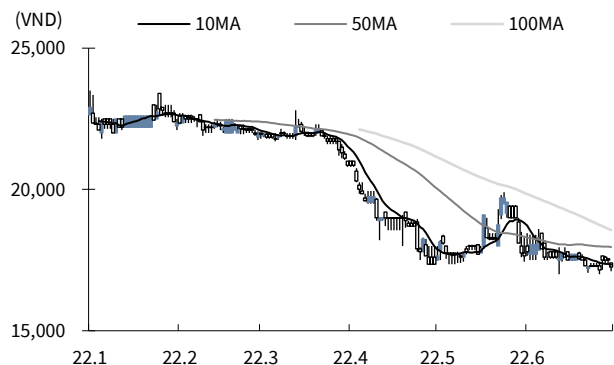
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## CTCP Nhiệt điện Phả Lại (PPC)

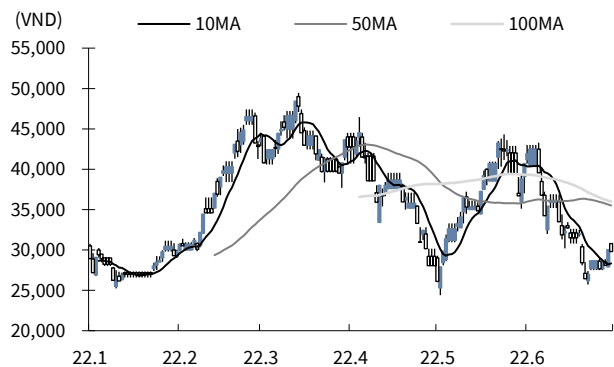


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PPC tăng 1.17% lên 17,250 VND/cp

- Nhiệt điện Phả Lại công bố báo cáo tài chính công ty mẹ quý II với lợi nhuận đạt 74.8 tỷ đồng (-37.7% YoY) và doanh thu 1,289 tỷ đồng, tăng 5.8% so với cùng kỳ. Doanh thu tăng nhờ vào giá điện quý này tăng so với năm ngoái trong khi sản lượng điện giảm 11.3% còn 826.5 triệu kWh.

## CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau (DCM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DCM giảm 0.83% xuống 29,800 VND/cp

- Phân bón Dầu khí Cà Mau vừa công bố ước kết quả kinh doanh 6 tháng với tổng doanh thu khoảng 8,247 tỷ đồng, tăng 91% so với cùng kỳ năm 2021 và hoàn thành 91% kế hoạch năm. 1H2022, sản lượng sản xuất urê đạt 474,000 tấn (+4% YoY), sản lượng tiêu thụ urê khoảng 432,380 tấn (+3% YoY). Trong đó, tổng sản lượng urê xuất khẩu đạt 200,000 tấn, chủ yếu đi Campuchia, Ấn Độ và Bangladesh - là một số thị trường truyền thống mà Phân bón Cà Mau có thế mạnh.



# CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam (CSV)

## Phục hồi và ổn định

Chuyên viên phân tích  
Thái Hữu Công  
congth@kbsec.com.vn

15/07/2022

**Doanh thu thuần năm 2021 đạt 1,577 tỷ đồng, tương đương với thời điểm trước dịch**

Hoạt động sản xuất công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến chế tạo, phục hồi sau đại dịch giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của CSV dần quay trở lại quỹ đạo. Trong năm 2021, doanh thu thuần của CSV đạt 1,577 tỷ đồng (+18% YoY), tương đương với thời điểm trước dịch. Lợi nhuận sau thuế cũng tăng trưởng 21.1% so với 2020, lên mức 218 tỷ đồng.

**Hoạt động kinh doanh cốt lõi trong năm 2022 tiếp tục có sự cải thiện, lợi nhuận sau thuế năm 2022 dự kiến đạt 345 tỷ đồng, +58% YoY**

Hoạt động kinh doanh cốt lõi tiếp tục có nhiều cải thiện nhờ giá bán các mặt hàng hoá chất vô cơ tăng mạnh giúp lợi nhuận sau thuế của CSV trong quý I đạt mức 112.3 tỷ đồng, gấp 3 lần so với cùng kỳ. CSV hiện đã hoàn thành 28% chỉ tiêu doanh thu và 55% chỉ tiêu lợi nhuận đặt ra cho năm 2022. Chúng tôi ước tính doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế năm 2022 của CSV đạt 1,814 tỷ đồng (+15.1% YoY) và 345 tỷ đồng (+58% YoY).

**Giá phốt pho vàng duy trì ở mức nền cao đến cuối năm giúp cho doanh thu mảng phốt pho vàng tăng trưởng 19.2% so với năm 2021**

Giá phốt pho tăng 30% kể từ đầu năm và gấp 2.3 lần so với thời điểm trước dịch giúp cho doanh thu của công ty con trong quý I tăng gấp 3 lần lên 149 tỷ đồng, cao nhất trong 5 năm trở lại đây. Dự kiến, với giá bán bình quân phốt pho vàng trong năm 2022 tiếp tục duy trì quanh ngưỡng 120-125 triệu đồng/tấn, doanh thu mảng phốt pho vàng của CSV dự kiến đạt 537.5 tỷ đồng, tăng trưởng 19.2% YoY.

**Khuyến nghị NĂM GIỮ với giá mục tiêu là 48,300 VND/cp**

Dựa trên triển vọng kinh doanh, kết quả định giá cùng với các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi đưa ra khuyến nghị NĂM GIỮ đối với cổ phiếu CSV. Mức giá mục tiêu cho năm 2022 là 48,300 VND/cp, cao hơn 12.32% so với giá đóng cửa tại ngày 15/07/2022.

## NĂM GIỮ

**Giá mục tiêu 48,300 VND**

Tăng/giảm (%) 12.32

Giá hiện tại (15/07/2022) 43,000

Vốn hoá (tỷ VNĐ) 2 136

Dự phóng KQKD & định giá

	2019A	2020A	2021A	2022F
Doanh thu thuần (tỷ VNĐ)	1,566	1,339	1,577	1,814
EBIT	326	238	278	435
LN sau CĐTS	246	179	209	289
EPS (VNĐ)	5,028	3,636	4,299	6,544
Thay đổi EPS (%)		-28%	18%	52%
P/E (x)	9.6	13.3	11.2	7.4
EV/EBITDA	2.12	4.20	5.74	3.22
P/B (x)	2.3	2.1	1.8	1.5
ROE (%)	26%	18%	19%	22%
Tỷ suất cổ tức (%)	31%	20%	10%	15%

**Dữ liệu giao dịch**

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%) 35

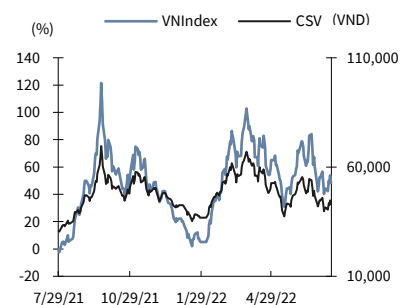
GTGD TB 3 tháng (Tỷ VNĐ) 45.55

Sở hữu nước ngoài (%) 1.59

Cổ đông lớn VinaChem (65%)

**Biến động giá cổ phiếu**

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-1	-24	11	69
Tương đối	7	-2	33	82

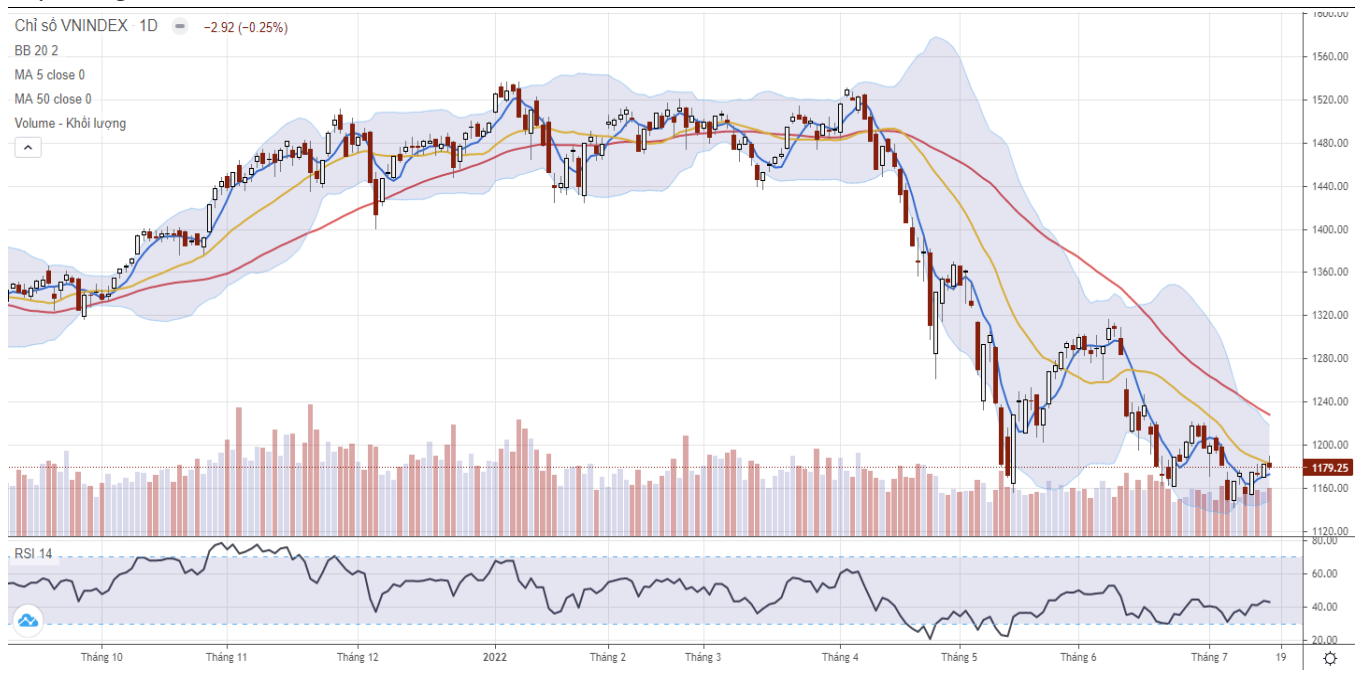


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



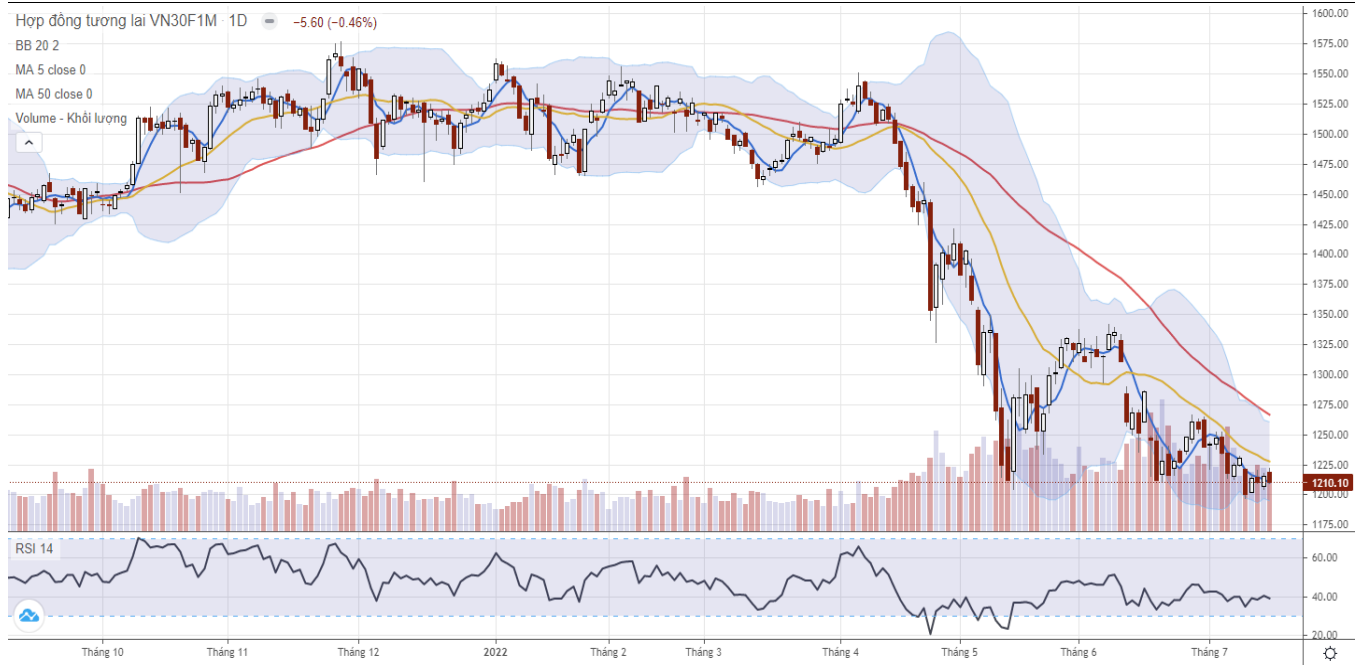
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm giảm co trong phiên trước khi dần suy yếu và đảo chiều giảm điểm về cuối phiên.
- Vùng cản gần quanh 119x cùng với áp lực bán cân tỷ trọng sau ba phiên hồi phục tích cực đang gây cản trở cho đà đi lên của chỉ số. Mặc dù VNIndex có thể còn phải trải qua các nhịp điều chỉnh rung lắc trong phiên kế tiếp, cơ hội mở rộng thêm nhịp hồi phục sau đó vẫn đang được đánh giá cao với vùng hỗ trợ gần 1160 (+5).
- NĐT được khuyến nghị chỉ mở mua trở lại quanh ngưỡng hỗ trợ đối với cổ phiếu mục tiêu nhưng cần khống chế tỷ trọng ở mức vừa phải, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1235 - 1239

Kháng cự gần: 1220- 1223

Hỗ trợ gần: 1200 - 1204

Hỗ trợ xa: 1186 - 1188

- F1 tăng điểm giảm co đầu phiên trước khi thiết lập các nhịp tăng gối đầu đến cuối phiên.
- Vùng cản gần quanh 122x cùng với áp lực bán gia tăng sau ba phiên hồi phục tích cực đang gây cản trở cho đà đi lên của chỉ số. Mặc dù F1 có thể còn phải trải qua các nhịp điều chỉnh rung lắc trong phiên kế tiếp, cơ hội mở rộng thêm nhịp hồi phục sau đó vẫn đang được đánh giá cao với vùng hỗ trợ gần 1200 (+-5).
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, mở LONG tại các vùng hỗ trợ và mở vị thế SHORT tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở Long tại các vùng hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.



# KBSV danh mục đầu tư mẫu

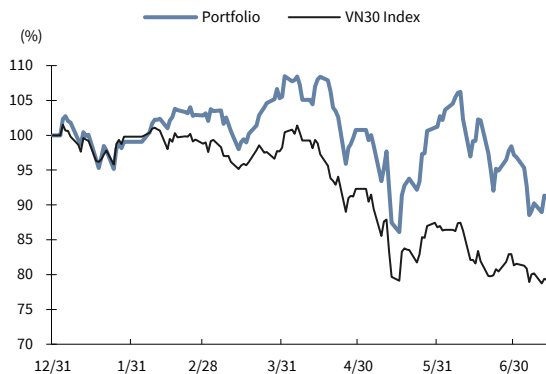
Khởi phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.15%	-0.35%
Tăng lũy kế (YTD)	-20.55%	-8.54%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 15/07/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	61,500	-1.8%	62.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	22,800	-1.3%	-18.9%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	113,500	-1.7%	50.7%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	168,000	-0.6%	-12.0%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	77,900	0.5%	162.1%	- Màng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	82,200	-0.7%	241.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viên thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	27,000	0.0%	42.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	97,500	-1.3%	34.6%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,200	4.5%	99.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	35,550	-1.1%	249.9%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	4.5%	48.7%	67.6
CTG	0.0%	21.9%	32.8
VNM	-1.1%	26.5%	24.7
VND	-2.1%	2.9%	18.8
VCB	-0.1%	15.7%	13.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	-1.7%	17.1%	-257.2
UIC	1.9%	22.3%	-67.8
DXG	0.9%	27.2%	-20.7
SSI	-1.9%	93.1%	-38.6
FRT	-3.6%	23.3%	-27.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	-2.6%	1.9%	1.3
VCS	0.4%	9.0%	0.5
PVG	-1.0%	1.0%	0.4
PCG	7.1%	4.0%	0.3
SD5	0.0%	1.1%	0.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	-2.6%	7.0%	-7.5
PVS	-2.1%	1.0%	-2.6
PVC	-0.6%	58.5%	-0.9
TNG	0.8%	2.1%	-0.3
IVS	2.6%	0.4%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	5.6%	GVR, DPM
Ô tô và phụ tùng	4.1%	TCH, CTF
Xây dựng và Vật Liệu	4.1%	VGC, VCG
Tài nguyên Cơ bản	3.0%	HPG, NKG
Bảo hiểm	2.8%	BVH, BMI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	-5.1%	MWG, DGW
Du lịch và Giải trí	-1.3%	VJC, SCS
Công nghệ thông tin	-0.8%	FPT, ICT
Thực phẩm và đồ uống	-0.5%	MSN, VNM
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.3%	PNJ, TCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	10.7%	HCM, SSI
Bảo hiểm	5.0%	BVH, PGI
Ô tô và phụ tùng	4.7%	TCH, HHS
Ngân hàng	4.6%	BID, CTG
Du lịch và Giải trí	1.2%	HVN, SKG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	-21.0%	MWG, FRT
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-19.7%	GAS, POW
Hóa chất	-10.2%	DGC, DCM
Công nghệ thông tin	-8.9%	FPT, SGT
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-8.3%	TMS, STG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

**Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu**

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND tỷ, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	131,779 (5.7)	22.5	77.2	32.8	14.7	3.5	7.5	2.6	2.4	0.1	-0.6	-9.3	-26.8
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	182,581 (7.8)	26.6	8.1	7.0	35.9	22.9	21.9	1.7	1.4	-0.2	-1.6	-9.0	-26.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	47,521 (2.0)	17.8	26.5	18.0	-7.6	7.2	9.8	1.8	1.7	0.6	-3.0	-9.3	-13.0
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	168,093 (7.2)	31.3	26.3	20.8	6.7	15.1	16.4	3.6	3.1	-0.1	-0.3	-3.7	-19.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	29,391 (1.3)	11.6	19.3	15.7	13.7	12.9	17.2	2.2	2.0	-1.2	0.8	4.9	-21.6
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	163,656 (7.0)	13.9	11.7	11.6	-	13.5	11.6	1.3	1.3	0.9	3.3	4.8	-37.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	71,090 (3.1)	6.3	12.7	10.6	11.7	21.3	21.8	2.5	2.1	-0.1	-2.3	-5.5	-8.2
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	65,189 (2.8)	12.7	14.3	11.8	-5.3	16.0	17.2	1.9	1.6	-1.0	2.3	11.9	-3.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	170,928 (7.3)	0.0	5.9	4.9	14.3	20.8	19.8	1.1	0.9	0.4	-3.9	1.1	-27.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	103,663 (4.4)	1.4	7.4	6.1	50.3	18.3	20.5	1.2	1.0	0.0	4.2	10.2	-20.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	237,826 (10.2)	0.0	6.8	6.5	18.8	20.3	17.0	1.3	1.1	0.7	-1.2	-2.1	-21.1
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	214,432 (9.2)	0.0	6.2	5.1	14.6	23.8	22.8	1.3	1.1	-0.2	1.6	2.2	-11.9
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	42,153 (1.8)	4.2	6.6	5.4	23.3	22.9	22.3	1.3	1.1	-0.4	-0.4	-3.7	-23.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	350,531 (15.0)	14.0	11.6	10.5	26.5	11.6	14.9	1.1	1.0	-1.3	2.2	11.1	-27.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	48,513 (2.1)	0.0	11.7	6.6	37.4	22.3	21.0	1.3	1.1	0.7	0.0	2.1	-34.0
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	9,141 (0.4)	0.2	-	-	27.3	12.6	11.9	-	-	0.7	-0.6	0.8	-8.2	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	69,015 (3.0)	21.0	17.6	14.5	15.8	9.0	11.9	1.8	1.6	-2.4	3.5	9.9	0.9
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	6,890 (0.3)	14.2	14.1	11.4	9.1	13.0	15.2	1.6	1.5	-0.3	3.6	-5.3	-34.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	341,038 (14.6)	55.4	7.7	7.1	-3.2	19.3	16.4	1.2	1.1	-1.9	3.4	-0.9	-56.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	136,502 (5.9)	71.9	8.3	7.9	-4.0	24.7	20.6	1.7	1.5	-2.2	2.4	18.0	-47.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	120,754 (5.2)	52.4	8.6	8.3	-19.0	18.2	15.9	1.3	1.2	-2.2	-0.4	31.2	-46.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	471,414 (20.2)	27.2	8.1	6.9	36.3	25.7	24.3	1.9	1.5	-2.1	3.0	-2.8	-43.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	165,679 (7.1)	42.1	16.4	15.1	4.0	28.3	29.3	4.3	4.1	-1.1	-1.9	11.0	-17.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	11,748 (0.5)	36.9	23.1	19.3	7.3	20.0	21.3	4.2	3.7	-0.6	-0.7	1.3	2.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	80,606 (3.5)	16.5	22.2	17.8	-51.9	18.2	21.2	3.7	3.0	-1.3	-3.5	-4.5	-29.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	39,325 (1.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	2.3	22.3	19.5	-48.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	78,655 (3.4)	11.0	52.0	18.3	-88.5	8.9	21.6	-	-	-1.6	-2.4	0.2	-2.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	101,851 (4.4)	10.8	18.3	14.9	-57.0	11.8	13.3	2.1	1.9	-0.9	2.7	-6.7	3.6
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	67,716 (2.9)	38.4	6.8	33.2	65.7	14.1	2.6	0.9	0.9	1.8	7.7	11.4	-58.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	17,739 (0.8)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	0.3	-2.2	18.4	-77.3
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	178,817 (7.7)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-1.9	7.1	-1.9	-48.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	30,796 (1.3)	3.6	58.2	15.7	-52.4	1.1	3.4	0.5	0.5	-5.0	-2.8	7.3	-46.1
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	113,320 (4.9)	0.0	12.1	10.8	-4.5	15.8	14.1	1.7	1.7	0.5	1.3	14.2	29.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	133,837 (5.8)	46.1	14.1	13.7	-17.5	23.4	22.0	3.2	2.9	-1.3	2.0	-	21.4	1.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	60,426 (2.6)	31.4	11.5	10.7	-10.5	15.0	14.8	1.6	1.5	-1.0	3.0	-	14.2	-9.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,591 (0.1)	34.1	20.9	9.3	-5.1	5.9	12.5	-	-	1.2	-0.3	-2.3	-28.3	
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	487,314 (20.9)	18.0	4.8	4.8	21.9	29.0	22.3	1.1	0.9	4.5	3.3	2.6	-35.0	
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	186,165 (8.0)	36.5	4.9	7.9	-0.5	32.3	19.2	1.5	1.4	-0.2	8.6	-	18.0	0.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	182,283 (7.8)	46.5	5.6	8.1	-4.5	35.7	20.6	1.7	1.5	-0.8	4.0	-	26.8	-18.8
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	131,567 (5.6)	38.9	3.8	4.4	67.9	23.1	15.8	0.7	0.6	1.1	0.0	4.3	-51.3	
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	39,847 (1.7)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-1.6	5.8	0.8	-40.8	
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	21,644 (0.9)	4.6	18.6	15.1	-51.0	11.0	12.3	2.0	1.8	-0.7	1.1	-2.9	-26.2	
	PVD	PETROVIETNAM DRI	19,500	9,854 (428)	110,942 (4.8)	39.9	31.4	15.7	-11.9	1.9	4.1	0.6	0.6	-1.2	9.0	-	19.3	-31.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	52,155 (2.2)	35.9	8.0	7.4	2.2	13.2	13.6	1.1	1.1	-1.3	-0.3	-6.6	-21.2	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	236,681 (10.2)	0.0	15.5	13.6	14.4	26.0	26.0	3.8	3.4	-1.8	-5.4	-	16.7	-9.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	100,136 (4.3)	0.0	16.8	14.1	2.4	23.6	22.7	3.2	2.7	-1.7	-2.2	-3.8	18.0	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	6,152 (0.3)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.5	0.0	3.5	-7.1	
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	121,756 (5.2)	30.3	15.7	13.6	-75.2	30.0	27.0	4.2	3.3	-3.6	-7.3	-	19.8	9.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	28,328 (1.2)	34.6	9.0	10.3	41.2	33.0	24.6	2.6	2.3	0.0	0.5	0.0	-10.2	
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	697 (0.0)	45.4	14.0	13.0	10.7	21.3	20.6	2.7	2.4	-0.2	0.0	-2.2	-22.1	
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-	
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	141,787 (6.1)	0.0	17.2	14.1	15.5	26.8	28.3	4.3	3.7	-0.7	-1.7	-9.2	6.1	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Nguyễn Đức Huy**  
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng  
huynd@kbsec.com.vn

**Tiêu Phan Thanh Quang**  
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics  
quangtpt@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

## Hệ thống khuyến nghị

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.